



臺灣

南投

地方檢察署

TAIWAN NANTOU DISTRICT PROSECUTOR'S OFFICE



臺灣南投地方檢察署

索引

壹、歷史沿革：	4
貳、管轄區域：	8
參、機關組織：	12
肆、員額編制：	16
伍、檢察業務概況：	18
陸、司法保護業務：	30
柒、重點行政業務：	56
捌、結語：	66
玖、本署服務資訊：	70

Taiwan Nantou District Prosecutors Office Index

I. Lịch sử hình thành :.....	5
II. Địa phận có thẩm quyền :	9
III. Tổ chức của cơ quan :.....	13
IV. Biên chế công chức viên chức :	17
V. Khái quát về nghiệp vụ của việc kiểm sát :	19
VI. Nghiệp vụ bảo vệ tư pháp :.....	31
VII. Trọng điểm của nghiệp vụ hành chính	57
VIII. Lời kết.	67
IX. Thông tin phục vụ của Viện kiểm sát chúng tôi :	71

壹、歷史沿革：

南投縣位於臺灣地理位置的中心，為臺灣唯一不靠海的縣市。

全縣13鄉鎮市，皆以農業為主，

幅員遼闊，遍佈高山、溪谷與河

流，原住民族別繁多。南投縣原屬臺灣臺中地方法

院檢察處管轄，民眾進行訴訟需往返南投、臺中，

殊為不便，為了便民，遂於民國71年成立南投檢察

官辦公室。



I. Lịch sử hình thành :

Huyện Nam Đầu nằm ở vị trí trung tâm điểm của Đài Loan, là huyện thị duy nhất ở Đài Loan không nằm gần bờ biển.



Toàn huyện có 13 xã, thị xã và thị trấn, chủ yếu là canh tác nông nghiệp, đất đai rộng lớn, núi cao, khe suối và sông được tìm thấy ở khắp mọi nơi, đây cũng là vùng sinh sống của nhiều tộc người thiểu số khác nhau. Huyện Nam Đầu nguyên là địa phận thuộc thẩm quyền quản lý của Viện kiểm sát trực thuộc Tòa án địa phương Đài Trung Đài Loan, người dân tiến hành việc tố tụng cần phải đi lại giữa Nam Đầu, Đài Trung nên rất bất tiện, để tiện cho người dân, thế thì vào năm 1982 tại Nam Đầu thành lập văn phòng làm việc của Kiểm sát viên.

至 76 年，為落實法院組織法「一縣（市）一法院」之規定，由臺灣省南投縣議會建議，報請臺灣省政府會議決議後函轉法務部辦理。77 年由臺灣臺中地方法院、臺灣臺中地方法院檢察處、臺灣臺中看守所聯合組成南投地區司法機關興建委員會共同籌設興建，80 年 7 月 19 日動土，歷經 3 年，於 83 年 7 月 1 日落成使用，同年 8 月 1 日正式受理案件。本署為一地下一層，地上四層之五層樓建築物，地處南投市中心，與南投縣政府等機關相鄰，交通便利。

Đến năm 1987, để thực hiện Quy định tổ chức pháp luật 「 Một Huyện (thành phố, thị xã) Một Tòa Án 」 theo quy định của Luật tổ chức Tòa án, do Hội đồng Nghị viện của Huyện Nam Đầu đề nghị, trình Hội nghị của Chính phủ Đài Loan xem xét ban hành nghị quyết, sau đó gửi công văn chuyển giao cho Bộ pháp vụ thi hành. Năm 1988 kết hợp lực lượng của Tòa án địa phương Đài Trung Đài Loan, Viện kiểm sát trực thuộc Tòa án địa phương Đài Trung Đài Loan, Trại tạm giam của Đài Trung Đài Loan cùng nhau thành lập Ủy ban xây dựng cơ quan tư pháp tại khu vực Nam Đầu để tổ chức thiết kế quy hoạch công trình xây dựng, động thổ vào ngày 19 tháng 7 năm 1991, sau 3 năm xây dựng, công trình được hoàn tất và đưa vào sử dụng vào ngày 1 tháng 7 năm 1994, bắt đầu chính thức tiếp nhận giải quyết các vụ án kể từ ngày 1 tháng 8 năm 1994. Kiến trúc của tòa nhà gồm 5 tầng một tầng hầm nằm ở dưới mặt đất, có 4 tầng nằm ở trên mặt đất, nằm ở ngay trung tâm thị xã Nam Đầu, có vị trí gần kề với các trụ sở làm việc của cơ quan Chính phủ Huyện Nam Đầu, phương tiện giao thông khá thuận lợi.

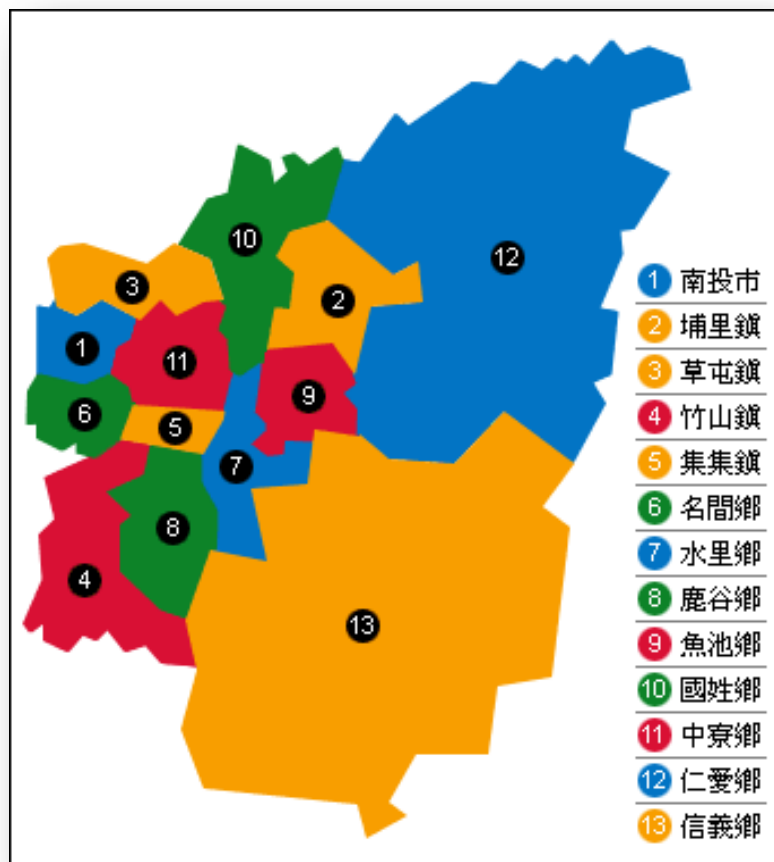
貳、管轄區域：

南投東與花蓮縣交界，西與彰化縣為鄰，南與高雄市、嘉義縣接壤，北與臺中市相望，全縣總面積約4,106平方公里，約佔全省面積九分之一。計有一市（南投）、四鎮（埔里、草屯、竹山、集集）、八鄉（名間、水里、鹿谷、魚池、國姓、中寮、仁愛、信義）等十三個鄉市鎮。地區遼闊，高山林立，風景優美，民風純樸，目前人口約五十一萬餘人（103年9月）。

II. Địa phận có thẩm quyền :

Phía đông Nam Đầu giáp giới với Huyện Hoa Liên, phía tây tiếp giáp với Huyện Chương Hóa, phía nam giáp giới với Thành phố Cao Hùng, Huyện Gia Nghĩa, phía bắc thì liền kề với Thành phố Đà Trung, tổng diện tích của toàn huyện ước khoảng 4,106 km², chiếm một phần chín diện tích đất của cả tỉnh. Gồm có 13 xã, thị xã và thị trấn, 1 thị xã (Nam Đầu), 4 Thị Trấn (Phố Lý, Thảo Đôn, Trúc Sơn, Tập Tập), 8 Xã (Danh Gian, Thủy Lý, Lộc Cốc, Ngư Trì, Quốc Tính, Trung Liêu, Nhân Ái, Tín Nghĩa). Có khu vực rộng lớn, núi cao san sát, có phong cảnh đẹp, dân ở đây hồn hậu, chất phác, với dân số hiện nay ước khoảng là hơn năm trăm mười nghìn người (theo số liệu thống kê đến tháng 9 năm 2014).

管轄區域





- ① - Thị Xã Nam Đầu
- ② - Thị Trấn Phó Lý
- ③ - Thị Trấn Thảo Đồn
- ④ - Thị Trấn Trúc Sơn
- ⑤ - Thị Trấn Tập Tập
- ⑥ - Xã Danh Gian
- ⑦ - Xã Thủy Lý
- ⑧ - Xã Lộc Cốc
- ⑨ - Xã Ngự Trì
- ⑩ - Xã Quốc Tính
- ⑪ - Xã Trung Liêu
- ⑫ - Xã Nhân Ái
- ⑬ - Xã Tín Nghĩa

參、機關組織：

本署隸屬臺灣高等檢察署，主要任務為追訴犯罪、指揮刑事裁判之執行，推動司法保護工作、藉以維護社會治安，防制犯罪、保障人民生命、財產之安全。

III. Tổ chức của cơ quan :

Viện kiểm sát chúng tôi trực thuộc Viện kiểm sát của Tòa án cấp cao Đài Loan, nhiệm vụ chính của Viện kiểm sát là truy tố tội phạm, thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự, thi hành phán quyết, quyết định của Tòa án, thúc đẩy công tác bảo vệ tư pháp, để góp phần giữ gìn an ninh trật tự cho xã hội, công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo tính mạng và an toàn tài sản cho người dân.

本署置檢察長 1 人、主任檢察官、檢察官、檢察事務官、法醫師及檢驗員各若干人，設書記處、觀護人室、法醫室、人事室、會計室、統計室、政風室、資訊室、法警室等一級單位，書記處之下並設紀錄科、執行科、文書科、總務科、研究考核科等 5 科。此外，本署檢察長並依法監督法務部矯正署南投看守所及法務部矯正署南投少年觀護所。

Viện kiểm sát chúng tôi bố trí một vị Trưởng kiểm sát, Chủ nhiệm Kiểm sát viên, Kiểm sát viên, Sự vụ Kiểm sát viên, Bác sỹ pháp y, và một số kiểm nghiệm viên, đơn vị cấp I gồm có phòng thư ký, phòng giám hộ, phòng pháp y, phòng nhân sự, phòng kế toán, phòng thống kê, phòng kiểm sát đạo đức nghề nghiệp, phòng thông tin, phòng cảnh sát tòa án, dưới phòng thư ký có bố trí 5 ban là ban lưu trữ tài liệu hồ sơ, ban thi hành án, ban văn thư, ban hành chính tổng hợp, ban nghiên cứu thẩm định đánh giá. Ngoài ra, Trưởng Kiểm Sát của Viện kiểm sát chúng tôi căn cứ theo quy định của pháp luật giám sát Trại tạm giam Nam Đầu của Trại tù cải tạo trực thuộc Bộ pháp vụ và Sở giáo dục cải tạo tội phạm chưa thành niên Nam Đầu của Trại tù cải tạo trực thuộc Bộ pháp vụ.

肆、員額編制：

本署 103 年 10 月現有員工統計表：

職稱	人數
檢察長	1
主任檢察官	4
檢察官	21
檢察事務官	9
主任觀護人	1
觀護人	5
法醫師	1
檢驗員	2
書記官長	1
書記官	31
法警長、副法警長、法警	13
職員	16
技工、工友、駕駛	13
總人數	118

IV. Biên chế công chức viên chức :

Bảng thống kê tháng 10 năm 2014 về nhân viên hiện đang công tác tại Viện kiểm sát :

Chức vụ	Số người
Trưởng Kiểm Sát	1
Chủ nhiệm Kiểm sát viên	4
Kiểm sát viên	21
Sự vụ Kiểm sát viên	9
Chủ nhiệm Người giám hộ	1
Người giám hộ	5
Bác sỹ pháp y	1
Kiểm nghiệm viên	2
Trưởng Thư ký Tòa án	1
Thư ký Tòa án	31
Trưởng Cảnh sát Tòa án, Phó Trưởng Cảnh sát Tòa án, Cảnh sát Tòa án	13
Nhân viên	16
Kỹ thuật viên, Nhân viên tạp vụ, Tài xế	13
Tổng số người	118

伍、檢察業務概況：

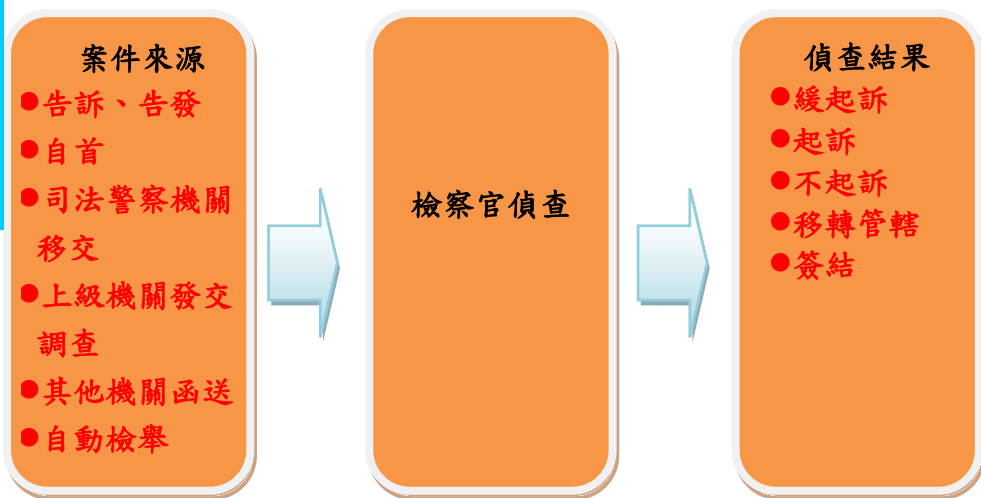
檢察機關之業務，首重實施偵查、提起公訴、實行公訴及指揮刑事裁判之執行。例如：檢肅貪瀆、執行掃黑、查緝毒品、查察賄選、國土保持、偵辦重大刑案、防杜經濟犯罪及電腦網路犯罪、防制兒童及少年從事性交易行為、保護智慧財產權、督導鄉鎮調解、加強法令宣導等工作。此外，對於觀護業務及更生保護工作，亦在加強推動之列，旨在使誤蹈法網者，能儘速遷善重生，不再危害於社會。另對於犯罪被害人的保護，更是積極推動，加強宣導，以期每一被害人均能得到適當之保護與合法之補償。

V. Khái quát về nghiệp vụ của việc kiểm sát :

Nghiệp vụ của cơ quan kiểm sát, bước tiến quan trọng đầu tiên là thực hiện công tác kiểm sát điều tra, tiến hành công tác công tố, thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự, thi hành bản án, quyết định của Tòa án. Chẳng hạn như : Thực hiện công tác kiểm soát điều tra cán bộ, công chức, viên chức có dấu hiệu tham nhũng, không làm tròn nhiệm vụ, lợi dụng chức quyền, xâm phạm quyền của công dân; thực hiện công tác đấu tranh phòng chống tội phạm; điều tra bắt giữ tội phạm về ma túy; thanh tra việc hối lộ trong bầu cử; bảo vệ lãnh thổ ; tiến hành điều tra các vụ án hình sự về các tội phạm nghiêm trọng; phòng chống ngăn chặn tội phạm kinh tế và tội phạm mạng điện tử; phòng chống ngăn chặn trẻ em và thiếu niên có hành vi mua bán dâm; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; đôn đốc chỉ đạo công tác hòa giải ở xã và thị trấn; tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật. Ngoài ra, đối với nghiệp vụ quản chế và công tác bảo vệ người hoàn lương, cũng là công tác đang tăng cường đẩy mạnh, nhằm mục đích là để những người chẳng may từng vướng vào vòng lao lý, nhanh chóng hoàn lương tái hòa nhập cộng đồng, không còn gây nguy hiểm cho xã hội. Bên cạnh đó, đối với việc bảo vệ người bị hại do hành vi phạm tội gây ra, càng tích cực đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền, mong là mỗi một người bị hại đều được bảo vệ thích đáng và được bồi thường hợp lệ.

一、刑事偵查業務：

檢察機關調查人犯及蒐集犯罪證據，以了解有無犯罪嫌疑，應否提起公訴之準備行為。流程如下：



1. Nghiệp vụ điều tra hình sự :

Cơ quan kiểm sát tiến hành điều tra tội phạm và thu thập chứng cứ phạm tội, để làm rõ có phải là nghi phạm phạm tội hay không, có cần phải chuẩn bị bước tiến hành công tác công tố hay không. Quy trình khởi tố như sau :

Nguồn gốc vụ án:

- Tổ cáo, tố giác
- Đầu thú
- Bàn giao cho cơ quan cảnh sát Tư Pháp
- Cơ quan cấp trên chuyển giao hồ sơ yêu cầu điều tra
- Chuyển công văn cho các cơ quan khác

Tự động tố giác

Kết quả điều tra

- Tạm hoãn việc khởi tố
- Khởi tố
- Không khởi tố
- Chuyển đến cơ quan có thẩm quyền
- Ký quyết định

二、公訴業務：

為落實公訴業務，由公訴檢察官擔任全程蒞庭交互詰問工作，就被告犯罪事實負舉證責任。藉由檢察官在法庭上詰問證人及詢問被告，積極參與調查證據，再輔以提出論告書落實檢察官之舉證責任，協助法院發現真實，建立公正、公平之司法。

2. Nghiệp vụ công tố :

Để thực hiện nghiêm túc nghiệp vụ công tố, do Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khi có mặt tại phiên tòa và dành toàn bộ thời gian để tiến hành công tác tra hỏi nhân chứng và bị cáo. Tích cực tham gia vào việc điều tra chứng cứ, kèm theo đơn khởi tố để Kiểm sát viên tròn trách nhiệm về việc đưa ra chứng cứ, hỗ trợ Tòa án phát hiện sự thật, để đảm bảo tính công minh, công bằng của tư pháp.

三、刑事執行業務：

- (一) 執行科業務計有：刑事判決之執行、緩起訴處分案件執行、假釋或緩刑付保護管束、緩刑附條件之執行。
- (二) 刑事案件經法院裁判確定後，由檢察官迅速依法指揮執行，以貫徹國家刑罰權。為減少短期自由刑之流弊及降低新入監受刑人之在犯比例，對於短期自由刑得准易科罰金、易服社會勞動。

3. Nghiệp vụ thi hành án hình sự

- (1) Nghiệp vụ của ban thi hành gồm có : Thi hành bản án, phán quyết hình sự, quyết định tạm hoãn việc khởi tố, thi hành bản án, quyết định được giảm tha, cho ra tù trước thời hạn hoặc thực hiện công tác giám sát, giáo dục người được hưởng án treo, được hưởng án treo có điều kiện.
- (2) Bản án hình sự sau khi thông qua phán quyết của Tòa án, do Kiểm sát viên căn cứ theo quy định của pháp luật nhanh chóng vào cuộc huy động lực lượng thi hành bản án và quyết định của Tòa án, để quán triệt quyền trừng phạt của nhà nước. Để giảm thiểu mức tệ nạn của hình phạt không giam giữ ngắn hạn và giảm thấp tỷ lệ tái phạm tội của tội phạm mới vào nhà tù thụ án, đối với hình phạt không giam giữ ngắn hạn được phép áp dụng hình thức phạt tiền, thực hiện nghĩa vụ lao động công ích.

(三) 易服社會勞動制度：係讓經濟弱勢、無力易科（繳納）罰金者，有機會以提供勞動或服務來代替入監執行，既可維持現有的工作與生活，又可兼顧家庭照護，並可避免因入監執行產生新的社會問題。其提供之勞動服務，可為服務機構節省人力成本，達到創造產值、回饋社會的正面效果，並節省監獄的矯正費用，減少國庫支出。

(3) Chế độ về hình phạt lao động công ích : Là để những người yếu thế về kinh tế, không có khả năng để áp dụng hình thức phạt tiền (nộp tiền phạt), có cơ hội áp dụng hình thức lao động công ích hoặc phục vụ thay cho hình thức vào nhà tù thụ án, không những ổn định về công ăn việc làm đang có và cuộc sống hiện tại, mà còn có thể cùng lúc chăm sóc gia đình, hơn nữa còn có thể tránh khỏi những vấn đề xã hội mới phát sinh lúc vào nhà tù thụ án. Với sự phục vụ của người bị phạt lao động công ích, cơ quan mà nơi người bị phạt lao động công ích thực hiện nghĩa vụ lao động công ích tiết kiệm được nguồn vốn nhân sự, không những tạo ra giá trị sản xuất, còn đạt hiệu quả tích cực về việc đóng góp cho cộng đồng, và còn tiết kiệm được các khoản chi phí cải tạo trong nhà tù, giảm thiểu gánh nặng chi trả của ngân sách nhà nước.

(四) 聲請易科罰金方面，若受刑人經濟困難，無力一次完納者，得依聲請准分期繳納罰金。

(4) Về việc xin được phép áp dụng hình thức phạt tiền, nếu trường hợp mà người phải chấp hành án phạt tù có khó khăn về kinh tế, không có khả năng nộp đủ trong một lần số tiền phạt, có thể xin phép cho nộp tiền phạt theo hình thức phân kỳ.

陸、司法保護業務：

一、觀護業務：

(一) 職司 18 歲以上犯罪行為人之社區處遇工作。

1、假釋、緩刑付保護管束案件之執行。

2、緩刑附帶義務勞務、緩起訴義務勞務、必要命令案件之執行。

VI. Nghiệp vụ bảo vệ tư pháp :

1. Nghiệp vụ giám hộ :

(1) Làm công tác quản lý, giáo dục, giám sát, bảo hộ người 18 tuổi trở lên có hành vi vi phạm pháp luật tại cộng đồng dân cư.

1. Thực hiện công tác quản lý, giám sát, giáo dục người được giảm án, tha tù trước thời hạn hoặc người được hưởng án treo.

2. Thực hiện công tác quản lý, giám sát người được hưởng án treo kèm theo nghĩa vụ lao động công ích, người được tạm hoãn việc khởi tố kèm theo nghĩa vụ lao động công ích, bắt buộc phải thực hiện những mệnh lệnh cần thiết liên quan đến vụ án mà người đó vi phạm.

- 3、代替監護處分、禁戒處分、強制工作處分之保護管束案件之執行。
- 4、易服社會勞務案件之執行。

3. Thực hiện công tác quản lý, giám sát, giáo dục , bảo hộ người vi phạm pháp luật, người nghiện, người phải lao động bắt buộc tại nơi thường trú, nơi làm việc của người đó thay cho phải bị giam giữ ở một nơi nhất định nào đó, bắt buộc phải cai nghiện ở một nơi nhất định nào đó, bắt buộc phải lao động ở một nơi nhất định nào đó.
4. Thực hiện công tác giám sát những bản án được áp dụng hình thức lao động công ích.

(二) 業務重點：

- 1、落實案件分級分類：對於再犯性高之犯罪者實施密集觀護，加強監督；對於輕罪或過失犯罪者，以緩起訴或易服社會勞動給予彌補之機會。
- 2、教育、輔導：對內之受觀護對象開辦法治、生命、性別平權等教育課程，對外有校園法律宣導、反毒、反賄選等宣導及司法大廈參訪。

(2) **Nghị quyết chủ yếu :**

1. **Đẩy mạnh công tác phân cấp phân loại những vụ án :** Tiến hành siết chặt công tác quản lý, giám sát, giáo dục , bảo hộ đối với những tội phạm có nguy cơ tái phạm cao, tăng cường công tác giám sát; tạo điều kiện cho tội phạm vi phạm mức độ nhẹ hoặc người vô ý phạm tội, có cơ hội áp dụng hình thức tạm hoãn việc khởi tố hoặc lao động công ích để bù đắp những tổn thất, thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra.

2. **Giáo dục, phụ đạo :** Tổ chức triển khai các chương trình giáo dục cho các đối tượng bị quản chế trong nội bộ như học tập về pháp trị, sinh mạng, quyền bình đẳng giới ...v.v...; Đối ngoại như tại các trường học, tiến hành phổ biến giáo dục pháp luật, tuyên truyền phòng chống ma túy, chống hối lộ trong bầu cử và tham quan trụ sở cơ quan tư pháp.

- 3、司法保護據點：於竹山、埔里、信義及仁愛之據點受理保護管束人之報到，達服務便民之效。
- 4、修復式司法：提供與犯罪有關的當事人對話的機會，修復因犯罪造成的傷害，並共同處理犯罪後果的過程。相對於現行刑事司法制度著重懲罰，修復式司法著重療癒創傷、復原關係，賦予司法新意涵，在尋求真相、道歉、撫慰、負責與復原中伸張正義。

3. Cú điềm để thực hiện công tác giám sát, giáo dục Tư pháp: Cú điềm tại Thị Trấn Trúc Sơn, Thị Trấn Phố Lý, Xã Tín Nghĩa và Xã Nhân Ái là nơi mà Người bị quản chế phải đến trình diện để chịu sự quản lý, giám sát, giáo dục, phục vụ đạt hiệu quả cao, thuận tiện cho người dân.
4. Tư pháp phục hồi : Tạo điều kiện cho đương sự liên quan đến vụ án phạm tội có cơ hội đàm thoại với nhau, khôi phục thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, và quá trình cùng nhau khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội. So với chế độ tư pháp hình sự hiện hành chỉ chú trọng vào việc trừng phạt người có hành vi phạm tội, tư pháp phục hồi thì chú trọng vào việc trị liệu vết thương, sửa chữa, bù đắp thiệt hại, khôi phục các mối quan hệ, chính là hàm ý mới của Tư pháp, nêu cao chính nghĩa trong việc tìm kiếm sự thật, xin lỗi, an ủi làm dịu, chịu trách nhiệm trong quá trình khôi phục.

5、扶助措施：提供「就業中繼站」、「愛心醫療聯盟」、「免費法律視訊」等服務。

二、財團法人臺灣更生保護會南投分會

(一) 服務宗旨：

以仁愛精神輔導出獄人自立更生、適應社會生活及預防再犯，以維護社會安寧。



5. Biện pháp hỗ trợ : Cung cấp các dịch vụ như:
「Trạm chuyển tiếp việc làm」, 「Liên minh y tế
tình thương」, 「Miễn phí về pháp luật qua công
nghệ nghe nhìn」. v.v.

2. Chi hội Nam Đầu của Hội bảo vệ người hoàn
lương có tư cách tập đoàn tài chính pháp nhân Đài
Loan:

(1) Tiêu chí phục vụ :

Dựa trên tinh thần nhân ái phụ
đạo giúp người chấp hành xong
án phạt tù ra tù tự lo tự lập làm lại
cuộc đời, tái hòa nhập cộng đồng



và phòng ngừa tái phạm và vi phạm pháp luật, để
giữ gìn trật tự an ninh xã hội.

(二) 服務對象：

依更生保護法第 2 條規定，包括 10 種：

- 1、執行期滿或赦免出獄者。
- 2、假釋、保釋出獄或保外醫治者。
- 3、保安處分執行完畢或免其處分之執行者。
- 4、受少年管訓處分執行完畢者。
- 5、依刑事訴訟法第 253 條或軍事審判法第 147 條，以不起訴為適當，而予以不起訴處分者。

(2) Đối tượng phục vụ :

Căn cứ theo quy định của điều 2 luật bảo vệ người hoàn lương, bao gồm 10 đối tượng :

1. Người chấp hành xong án phạt tù hoặc được đặc xá tha tù trước thời hạn.
2. Người được giảm án, tha tù trước thời hạn, người được bảo lãnh tại ngoại hoặc được bảo lãnh tại ngoại để chữa bệnh.
3. Người chấp hành xong việc quản chế cải tạo hoặc miễn chấp hành hình phạt.
4. Đã chấp hành xong việc giám sát giáo dục tại Trại giáo dưỡng thiếu niên.
5. Căn cứ theo quy định của điều 253 luật tố tụng hình sự hoặc điều 147 luật thẩm xét quân sự, đưa ra việc không bị khởi tố là thích hợp, và có quyết định là không bị khởi tố.

- 6、受免除其刑之宣告或免其刑之執行者。
- 7、受緩刑之宣告者。
- 8、受徒刑或拘役之宣告，在停止執行中或經拒絕收監者。
- 9、在觀護人觀護中之少年。
- 10、在保護管束執行中者。

6. Có quyết định miễn hình phạt đó hoặc miễn chấp hành hình phạt đó.
7. Có quyết định được hưởng án treo.
8. Có quyết định là phải chịu hình phạt tù có thời hạn hoặc phải chịu hình phạt tù ngắn hạn, người được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù hoặc là người bị trại giam từ chối tiếp nhận.
9. Thiếu niên đang trong quá trình bị Người thực hiện công tác quản chế giám sát, giáo dục.
10. Người bị kết án đang trong quá trình chịu sự quản lý, giám sát, giáo dục.

(三) 服務項目：

提供安置收容、技訓、輔導就業、輔導就學、輔導就醫、輔導就養、急難救助、資助旅費、護送到家與創業貸款等項目。

(四) 服務電話資訊：

電話：(049)224-3570

傳真：(049)223-2549

電子信箱：after-care540@mail.moj.gov.tw

(3) Nội dung phục vụ :

Với những nội dung phục vụ như: Bố trí nơi tiếp nhận nơi ở, đào tạo tay nghề, hướng dẫn chỉ đạo về việc làm, hướng dẫn chỉ đạo về việc học hành, hướng dẫn chỉ đạo về việc thăm khám bệnh, hướng dẫn chỉ đạo về việc nuôi dưỡng, cứu trợ lúc khẩn cấp khó khăn, hỗ trợ chi phí đi lại, hộ tống về đến nhà và hỗ trợ vay vốn để lập nghiệp v.v.

(4) Thông tin về điện thoại phục vụ :

Điện thoại : (049)224-3570

Fax : (049)223-2549

Hộp thư điện tử : after-care540@mail.moj.gov.tw

三、財團法人犯罪被害人保護協會臺灣南投分會

(一) 服務宗旨：

依犯罪被害人保護法第 29 條規定設立，以保護同法第一條所定被害人及其遺屬、第 30 條第 2 項所定之被害人，及法務部指定或本會董事會議決通過之被害人及其遺（家）屬，協助重建其生活為目的。



3. Chi hội Nam Đầu Đài Loan của Hiệp hội bảo vệ người bị hại do hành vi phạm tội gây ra có tư cách pháp nhân tập đoàn tài chính.



(1) Tiêu chí phục vụ :

Căn cứ theo quy định của điều 29 luật bảo vệ người bị hại do hành vi phạm tội gây ra, để bảo vệ người bị hại và người thân của người bị hại có nêu ra tại điều 1, người bị hại có nêu ra tại khoản 2 điều 30 của luật bảo vệ người bị hại do hành vi phạm tội gây ra, và là người bị hại và người thân (người nhà) do Bộ pháp vụ chỉ định hoặc quyết định do Hội nghị của Hội đồng quản trị của Hiệp hội chúng tôi thông qua, giúp người bị hại và người thân của người bị hại xây dựng lại cuộc sống làm mục đích.

(二) 服務保護對象

- 1、因犯罪行為被害死亡者之遺屬。
- 2、因犯罪行為被害而受重傷者本人。
- 3、性侵害被害人。
- 4、家庭暴力犯罪被害人。
- 5、兒童或少年被害人。
- 6、人口販運被害人。
- 7、犯罪被害人為外籍配偶或外籍勞工。

(2) Đối tượng được phục vụ và bảo vệ :

1. Là người thân của người bị hại đã chết do hành vi phạm tội gây ra.
2. Do hành vi phạm tội gây thương tích nặng cho chính bản thân người bị hại.
3. Là nạn nhân bị xâm hại tình dục.
4. Là người bị hại của tội phạm gây ra bạo lực trong gia đình.
5. Trẻ em hoặc thiếu niên là người bị hại.
6. Là người bị hại của trường hợp mua bán vận chuyển người trái phép.
7. Người nước ngoài có quan hệ hôn nhân với công dân Đài Loan hoặc lao động nước ngoài là người bị hại do hành vi phạm tội gây ra.

(三) 服務項目：

安置收容、醫療服務、法律協助、申請補償、社會救助、調查協助、安全保護、心理輔導、生活重建、信託管理、緊急資助、出具保證書、訪視慰問、查詢諮商、其他服務。

(四) 服務電話資訊：

全國免付費電話：0800-005850

電話：(049)223-3051

傳真：(049)223-2549

電子信箱：ntc@avs.org.tw

(3) Nội dung phục vụ :

Bố trí , tiếp nhận nơi ở, dịch vụ y tế, trợ giúp pháp lý, xin được đền bù, cứu trợ xã hội, hỗ trợ về việc điều tra, bảo vệ an toàn, tư vấn tâm lý, xây dựng lại cuộc sống, ủy thác để được quản lý, khoản hỗ trợ khẩn cấp, cấp giấy bảo đảm, thăm viếng chia buồn, tư vấn về thông tin thương mại, những phục vụ khác.

(4) Thông tin về điện thoại phục vụ :

Số điện thoại miễn phí hoạt động trên phạm vi toàn quốc : 0800-005850

Điện thoại : (049)223-3051

Fax : (049)223-2549

Hộp thư điện tử : ntc@avs.org.tw

四、社團法人南投縣榮譽觀護人協進會

(一) 任務：

- 1、倡導全民知法、守法、崇法運動。
- 2、結合社會力量，運用社會資源，協助
南投地方檢察署推動觀護業務。

4. Hiệp hội có tư cách pháp nhân xã hội dành cho

Người thực hiện công tác quản chế vĩnh dự

Huyện Nam Đâu

(1)Nhiệm vụ :

1.Góp phần đẩy mạnh hoạt động hướng dẫn chỉ đạo toàn dân nhận thức hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, tôn trọng pháp luật.

2.Kết hợp với lực lượng của xã hội, sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội, hỗ trợ thúc đẩy nghiệp vụ quản chế của Viện Kiểm Sát trực thuộc Tòa Án Địa Phương Nam Đâu.

- 3、舉辦預防犯罪之演講、座談會，促使
受保護管束者走向正途。
- 4、有關觀護業務學術方法、技巧之研究
及刊物之發行。
- 5、有關本會會員之工作研習及聯誼交流
活動之推展。

(二) 服務電話資訊：

電話：(049)222-1076

傳真：(049)224-6661

3. Tổ chức các buổi diễn thuyết, tọa đàm để tuyên truyền phổ biến công tác phòng chống tội phạm, góp phần tích cực giúp những người bị quản chế vượt lên làm lại cuộc đời, sống có ích cho gia đình, xã hội.
 4. Nghiên cứu phương pháp học thuật, kỹ năng của nghiệp vụ quản chế và phát hành ấn phẩm.
 5. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu của hội viên thuộc Hiệp hội này và các hoạt động giao lưu liên kết.
- (2) Thông tin về điện thoại phục vụ :

Điện thoại : (049)222-1076

Fax : (049)224-6661

柒、重點行政業務：

- 一、提供高效率、高節能之辦公環境，持續檢討推動辦公室自動化、資訊化。
- 二、為提升工作效率及節能減碳，全面實施對外電子公文交換，機關內部以電子布告欄及以電子郵件信箱公布或傳閱公文。

VII. Trọng điểm của nghiệp vụ hành chính

1. Cung cấp môi trường làm việc hiệu quả cao, tiết kiệm năng lượng có hiệu quả cao, tiếp tục không dừng đẩy mạnh công tác phát triển tự động hóa văn phòng, ứng dụng công nghệ thông tin.
2. Để nâng cao năng suất làm việc và tiết kiệm năng lượng giảm khí carbon, triển khai thực hiện toàn diện về việc khi đối ngoại , các văn bản trao đổi hoàn toàn dưới dạng văn bản điện tử, trong nội bộ cơ quan thì sử dụng bảng thông báo điện tử và hộp thư điện tử để thông báo hoặc dạng văn bản truyền tay.

三、向各級學校推廣法律知識，向下紮根，提早防

範犯罪，例如反酒駕、反毒、反飆車、反賄選

及婦幼保護各類法律常識之宣導。

四、推廣以電話、網路方式受理人民聲請案件，開

辦電子民意信箱，實施民意調查及檢察長實地

訪查，增加民眾申訴管道及廣納建言。

3. Tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật tại các cấp trường học, ương mầm cảm rữ, để sớm thực hiện công tác phòng ngừa tội phạm, tuyên truyền phổ biến kiến thức về các thể loại pháp luật như là phòng chống uống rượu bia khi lái xe, phòng chống ma túy, phòng chống đua xe, phòng chống hối lộ trong bầu cử và bảo vệ phụ nữ trẻ em.
4. Mở rộng, phát triển dịch vụ thụ lý những vụ án do người dân yêu cầu bằng cách thức gọi điện thoại, qua mạng internet; mở dịch vụ hộp thư điện tử tiếp thu ý kiến đóng góp của nhân dân, thực hiện công tác trung cầu dân ý và được Trưởng kiểm sát thăm hỏi ngay tại chỗ, bố trí thêm một số đường dây cho người dân khiếu kiện và rộng rãi tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân.

五、落實推動服務型政府之理念，建立多功能及自動化服務櫃台作業，設置「發還刑事保證金單一窗口」、「重大犯罪被害人申訴窗口、信箱」，為民服務中心解答民眾諮詢事項，現場除提供訴訟輔導、申請補發書類、犯罪被害人諮詢服務、申請加發相驗證明書、收狀等服務項目，另設有專用桌椅書寫文具老花眼鏡書表例稿等充分達到便民之目標。

5. Thực hiện nghiêm túc hình thức phục vụ theo ý tưởng của chính phủ, thiết lập bàn tác nghiệp đa công năng và phục vụ tự động hóa, thành lập 「Hoàn trả lại tiền đặt cọc bảo đảm trong tổ tụng hình sự theo hình thức một cửa」, 「Cửa sổ, hộp thư điện tử dành cho Người bị hại do hành vi phạm tội nghiêm trọng gây ra tiến hành việc khiếu nại」, Trung tâm phục vụ vì dân giải đáp các câu hỏi mà người dân đặt ra, ngay tại chỗ ngoài việc hướng dẫn chỉ đạo cách thức tiến hành việc tố tụng, xin cấp lại các loại văn bản, tư vấn phục vụ dành cho người bị hại do hành vi phạm tội gây ra, làm thủ tục xin cấp thêm giấy chứng nhận khám nghiệm, tiếp nhận các đơn thư, còn bố trí bàn viết ghế ngồi, kính lão thị, các loại biểu mẫu, mẫu đơn là để đạt mục đích đầy đủ thuận tiện cho người dân.

- 六、設置檔案應用專區於為民服務中心旁，提供檔案查詢、閱覽、抄錄及複製等服務，加強檔案之應用服務。
- 七、舉辦各項在職訓練及心靈講座，充實員工專業知識及服務態度，全面提升服務品質。
- 八、落實機關工作計畫及重要業務之執行管考，利用各種會議，針對檢察與行政業務之缺失，檢討改進。

6. Sát bên cạnh Trung tâm phục vụ vì dân bố trí chuyên khu ứng dụng văn thư đã được lưu trữ, cung cấp dịch vụ tìm kiếm thông tin, đọc và xem, sao chép và photocopy những văn thư đã được lưu trữ, tăng cường dịch vụ ứng dụng của những văn thư đã được lưu trữ.
7. Tổ chức triển khai các chương trình đào tạo bồi dưỡng tại chức và tọa đàm về tâm linh, để nhân viên được bồi bổ thêm kiến thức chuyên nghiệp và phong cách phục vụ, toàn diện nâng cao chất lượng phục vụ.
8. Thực hiện nghiêm túc cơ chế kiểm soát, đôn đốc, sát hạch thi cử về kế hoạch làm việc và nghiệp vụ quan trọng của cơ quan lợi dụng trong các cuộc họp đưa ra các thiếu sót cùng nhau kiểm điểm lại để cải tiến trong các nghiệp vụ kiểm soát và công tác hành chính.

九、本署專屬網頁提供機關簡介、民眾導覽、為民服務、訴訟輔導、法律宣導及教育、電子公布欄、相關網站連結等諮詢，歡迎民眾踴躍上網，配合行政院推廣政府網路服務單一窗口及法務部 e 化便民服務申辦事項，本署網址亦增設連結「我的 e 政府」及「法務部便民服務線上申辦系統」，逐年逐項增強服務項目，期使民眾不必出門，在家申辦相關服務。

9. Viện kiểm sát chúng tôi có trang mạng riêng cung cấp thông tin của cơ quan, người dân có thể tìm hiểu cơ quan của chúng tôi qua trang mạng này, vì nhân dân mà phục vụ và dựa vào nhân dân mà làm việc, ngay tại chỗ ngoài việc hướng dẫn chỉ đạo cách thức tiến hành việc tố tụng, tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật, bảng thông báo điện tử, tư vấn về những trang web được liên kết, chào đón người dân tích cực truy cập vào trang web của chúng tôi, phối hợp mở rộng phát triển phục vụ qua mạng Chính phủ theo hình thức một cửa của Viện hành chính và dựa theo hình thức e hóa của Bộ pháp vụ để người dân được hưởng nhiều tiện ích về các dịch vụ hành chính, trang web của Viện kiểm sát chúng tôi cũng cài đặt thêm trang web được liên kết là 「 Chính phủ e của tôi 」 và 「 Hệ thống dịch vụ hành chính trực tuyến của Bộ pháp vụ đem lại dễ dàng và thuận tiện cho người dân 」 , từng loại hình thức phục vụ sẽ tăng dần theo từng năm, mong là người dân không cần phải ra khỏi nhà, ở nhà vẫn có thể thực hiện được các giao dịch hành chính liên quan.

捌、結語：

維護治安者，首重因地制宜，了解地方特性，投民之所好，解民之所苦，方足以貼近民心，消弭民怨。南投地區，農民居多，民風樸素，影響人民最深者，即伴隨於生活之中細微問題，例如農民之農具，原住民之檳榔，工商業者之電纜器具等一旦被偷，最直接影響人民生計，引起民怨亦最深，只要能解決這些小案件，每案必破，使不再發生，即可有效消弭民怨，安定民心；

VIII. Lời kết

Là người giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bước tiên quan trọng đầu tiên là tạo ra khuôn khổ thể chế phù hợp, hiểu được những đặc trưng về văn hóa của địa phương, đáp ứng nhu cầu của người dân, thấu hiểu được nỗi khổ của người dân, như vậy mới có đủ tất cả những tâm lòng luôn sát cánh với người dân, tháo gỡ những bức xúc của người dân. Ở khu vực Nam Đâu, đa số người dân là nông dân, người dân ở đây hồn hậu, chất phác, người dân bị ảnh hưởng sâu sắc nhất, đi kèm theo là những vấn đề lặt vặt chen vào cuộc sống, ví như nông cụ mà nông dân sử dụng, trâu cau của đồng bào dân tộc thiểu số, trang thiết bị dây cáp của ngành công nghiệp thương mại một khi bị mất cắp, là ảnh hưởng trực tiếp nhất đến sinh kế của người dân, khiến người dân vô cùng bức xúc, chỉ cần giải quyết được những vụ án nhỏ nhặt này, mỗi một vụ án đều được phá án, không để xảy ra nữa, tức có thể tháo gỡ những bức xúc của người dân, góp phần làm an lòng người dân;

故本署對於攸關住民之「民生犯罪」及「國土保育犯罪」，不斷地積極查緝，希望藉由立即主動查緝與日常民生有關之犯罪案件，化解民怨，還民眾一個安寧生活的空間，所幸本署的努力並未白費，社會各界反映普遍良好，民怨日少，但本署同仁不以此自滿，將更加努力，戰戰兢兢的持續辦理，並確實執行法務部寬嚴並濟之刑事政策，落實公務員廉政倫理規範，響應節能減碳措施，加強婦幼、弱勢族群被告、被害人的人權保障，提昇同仁工作士氣，希望能達到長治久安之境地。

vì vậy, 「Tội phạm dân sinh」 và 「Tội phạm hủy hoại đất môi trường sống」 là liên quan đến sự sống của người dân, Viện kiểm sát chúng tôi phấn đấu không ngừng, tích cực chủ động trong công tác phát hiện, điều tra và bắt giữ tội phạm, mong là dựa trên công tác chủ động điều tra và bắt giữ ngay những vụ án phạm tội liên quan đến cuộc sống bình thường hằng ngày của người dân, tháo gỡ những bức xúc của người dân, trả lại không gian cuộc sống bình yên cho người dân, may mắn thay, tất cả mọi nỗ lực của Viện kiểm sát chúng tôi trở nên có ích, nói chung là các tầng lớp xã hội đều đánh giá cao về nỗ lực của chúng tôi, giảm thiểu mức bức xúc của người dân, nhưng cộng sự của Viện kiểm sát chúng tôi không vì vậy mà tự mãn, mà sẽ càng cố gắng nỗ lực nhiều hơn nữa, sẽ càng tận tâm, tận lực, thận trọng không ngừng phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ, và đã thật sự chấp hành chính sách hình sự song song với sự nghiêm minh và khoan hồng của pháp luật của Bộ tư pháp, công chức viên chức thực hiện nghiêm túc quy phạm luân lý liêm khiết trong cuộc sống và trong thi hành công vụ, hưởng ứng biện pháp tiết kiệm năng lượng giảm thiểu khí thải carbon, tăng cường công tác đảm bảo nhân quyền của phụ nữ và trẻ em, bị cáo thuộc nhóm yếu thế trong xã hội, người bị hại, góp phần nêu cao tinh thần cảnh giác, đấu tranh phòng, chống tội phạm của cộng sự, mong là đạt đến mức giữ vững ổn định tình hình an ninh trong mọi lĩnh vực, đảm bảo trật tự an toàn xã hội lâu dài.

玖、本署服務資訊：

一、地圖導覽

臺灣南投地方檢察署位置圖：



IX. Thông tin phục vụ của Viện kiểm sát chúng tôi :

1. Bản đồ dẫn đường

Sơ đồ vị trí của Viện Kiểm Sát trực thuộc Tòa Án
Địa Phương Nam Đầu Đài Loan



二、交通資訊

1、搭乘客運

至南投市總站下車，三和三路往西方向，左轉
復興路往臺灣銀行方向步行約 500 公尺即可
到達臺灣南投地方檢察署。

2、自行開車

國道三號（福爾摩沙高速公路）由南投交流道
下，沿台三線往南投市竹山方向直行約 5 公里，
左轉中興路，行駛約 200 公尺即可到達臺灣南
投地方檢察署。

2. Thông tin về phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

(1) Đi bằng xe khách

Đến bến xe của Thị Xã Nam Đầu thì xuống xe, từ đường Tam Hòa Tam đi theo hướng tây, rẽ trái vào đường Phục Hưng đi theo hướng Ngân hàng Đài Loan đi bộ khoảng 500 mét là tới thẳng Viện Kiểm Sát trực thuộc Tòa Án Địa Phương Nam Đầu.

(2) Lái xe ô tô

Quốc lộ số 3 (đường cao tốc Formosa) từ nút giao Nam Đầu ra khỏi đường cao tốc, men theo tuyến tỉnh lộ 3, dọc theo hướng Trúc Sơn Thị Xã Nam Đầu đi thẳng khoảng 5 km, rẽ vào đường Trung Hưng, lái xe đi khoảng 200 mét tức thì tới tận Viện Kiểm Sát trực thuộc Tòa Án Địa Phương Nam Đầu Đài Loan.

三、聯繫資訊：

◆地址：南投縣南投市中興路 757 號

◆電話總機：(049)224-2602

◆本署全球資訊網網址：

<http://www.ntc.moj.gov.tw>

◆本署臉書粉絲團網址 (Facebook)：

<https://www.facebook.com/nantou.prosecutors.office>

◆電子民意信箱 (檢察長信箱)：

ntcmail@mail.moj.gov.tw

3. Thông tin liên lạc :

◆ Địa chỉ : No.757, Jhong Sing Road, Nan Tou
City, Nan Tou County, Taiwan,
R.O.C.

◆ Tổng đài điện thoại : (049)224-2602

◆ Địa chỉ website về Mạng thông tin toàn cầu
của Viện Kiểm Sát :

<http://www.ntc.moj.gov.tw>

◆ Địa chỉ website về Hội những người hâm mộ
Viện Kiểm Sát trên Facebook :

[https://www.facebook.com/nantou.prosecutors
.office](https://www.facebook.com/nantou.prosecutors.office)

◆ Hộp thư điện tử tiếp thu ý kiến đóng góp của
nhân dân (Hộp thư của Trưởng Kiểm Sát) :

ntcmail@mail.moj.gov.tw

◆檢舉信箱：南投郵政第 180 號信箱

◆為民服務中心：(049)224-2975、
(049)224-2602 轉 2013

◆陳情專線電話：(049)224-2275

◆本署全球資訊網

◆本署臉書粉絲團

QRCODE



QRCODE



◆ Trung tâm phục vụ vì dân : (049)224-2975 ,
(049)224-2602
máy lẻ 2013

◆ Đường dây nóng dành cho việc tường trình :
(049)224-2275

◆ Mạng thông tin toàn cầu Kiểm Sát

QR CODE



◆ Hội những người hâm mộ của Viện Kiểm Sát trên Facebook

QR CODE

